

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2024/DS-ST
Ngày: 28-6-2024
“V/v Tranh chấp hợp
đồng dân sự - hợp đồng tín
dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phú Hữu
Ông Bùi Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2024/QĐXXST-DS ngày 27/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 178/2024/QĐST-DS ngày 11/6/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K;

Địa chỉ: Số 40-42-44, đường Phạm Hồng Thái, phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc M là ông Lê Trung V; Chức vụ: Phó tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Trung V là ông Ngô Văn Q; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đồng Tháp (theo Quyết định ủy quyền số 4408/QĐ-NHKL ngày 09/11/2023).

Đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn Q là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986 và bà Phạm Thị Ngọc Ng, sinh năm 1990.

Địa chỉ liên hệ: Số 30, Lý Thường Kiệt, Phường A, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Đình Phương D; sinh năm: 1991;

Nơi thường trú: Tổ 59, khóm Mỹ Long, Phường C, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh năm 1995;

Nơi thường trú: Tổ 52, khóm 5, Phường D, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

(Ông Đ, bà Ng có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Huỳnh Đình Phương D và bà Nguyễn Thị Thảo Ng có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần K – Chi nhánh Đồng Tháp tổng số tiền 50.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng – Kiên hợp đồng cầm cố số PN00394/HĐTD-CC ngày 03/11/2023; Mục đích vay: Buôn bán; Thời hạn cho vay 120 ngày; Ngày giải ngân: 03/11/2023; Lãi suất vay: 16%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả: Bằng 10%/năm; Hình thức trả nợ: trả góp nợ gốc và tiền lãi vay hàng ngày từ ngày 04/11/2023 đến ngày 02/3/2024; Tài sản cầm cố bảo đảm nghĩa vụ trả nợ là: Tín chấp.

Trong quá trình vay vốn ông D và bà Ng liên tục vi phạm hợp đồng, không thanh toán cho Ngân hàng khi đến hạn, Ngân hàng nhiều lần thông báo nhưng không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tạm tính đến ngày 10/3/2024, ông D và bà Ng còn nợ Ngân hàng tổng số tiền cụ thể: Nợ gốc: 41.666.667 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.191.781 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.958.904 đồng; Lãi suất chậm trả: 64.853 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 46.817.352 đồng.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu ông Huỳnh Đình Phương D và bà Nguyễn Thị Thảo Ng trả số tiền còn nợ gốc 41.666.667 đồng, lãi trong hạn 2.191.781 đồng, lãi quá hạn 2.958.904 đồng, lãi chậm trả 64.853 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 11/3/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông D và bà Ng trả số tiền nợ gốc từ ngày 24/11/2023 đến ngày 02/3/2024 là 100 ngày với số tiền nợ gốc là 41.666.667 đồng. Tiền lãi phải trả chưa thanh toán từ ngày 24/11/2023 đến ngày 02/3/2024 với mức lãi suất 16%/năm là 2.191.781 đồng; Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 28/6/2024 với mức lãi suất 24%/năm là 5.972.603 đồng; Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 28/6/2024 với mức lãi suất 10%/năm là 130.906 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 49.831.051 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi phát sinh theo

thoả thuận trong hợp đồng do chậm thi hành án.

Bị đơn ông D và bà Ng: Trong quá trình giải quyết vụ án không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp: Bản kê tính lãi theo hợp đồng (Bản chính); Hợp đồng tín dụng - Kiên hợp đồng cầm cố PN00394/HĐ TD-CC ngày y 03/11/2023 (Bản photo đã đối chiếu);

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không có.*

** Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền: Tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Phường C và Phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông D và bà Ng đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì nguyên đơn không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[2] *Về nội dung:* Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông D và bà Ng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền vay của hợp đồng tín dụng – Kiên hợp đồng cầm cố số PN00394/HĐTD-CC ngày 03/11/2023;

Cụ thể, yêu cầu ông D và bà Ng trả số tiền còn nợ gốc từ ngày 24/11/2023 đến ngày 02/3/2024 là 100 ngày với số tiền nợ gốc là 41.666.667 đồng. Tiền lãi phải trả chưa thanh toán từ ngày 24/11/2023 đến ngày 02/3/2024 với mức lãi suất 16%/năm là 2.191.781 đồng; Tiền lãi quá hạn tính từ ngày

24/11/2023 đến ngày 28/6/2024 với mức lãi suất 24%/năm là 5.972.603 đồng; Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 28/6/2024 với mức lãi suất 10%/năm là 130.906 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 49.831.051 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng do chậm thi hành án. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Hợp đồng tín dụng – Kiên hợp đồng cầm cố số PN00394/HĐTD-CC ngày 03/11/2023 thể hiện ông Duy và bà Nguyễn có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần K và hiện nay chưa trả khoản tiền vay như yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông D và bà Ng cùng liên đới trả số tiền còn nợ gốc và lãi 49.831.051 đồng là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K. Buộc ông Huỳnh Đình Phương D và bà Nguyễn Thị Thảo Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền còn nợ gốc và lãi 49.831.051 đồng.

Trong đó: Nợ gốc từ ngày 24/11/2023 đến ngày 02/3/2024 là 100 ngày với số tiền nợ gốc là 41.666.667 đồng. Tiền lãi phải trả chưa thanh toán từ ngày 24/11/2023 đến ngày 02/3/2024 với mức lãi suất 16%/năm là 2.191.781 đồng; Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 28/6/2024 với mức lãi suất 24%/năm là 5.972.603 đồng; Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 28/6/2024 với mức lãi suất 10%/năm là 130.906 đồng. Tổng cộng 49.831.051 đồng.

[3] Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án, thì không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán.

Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 173, Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Buộc ông Huỳnh Đình Phương D và bà Nguyễn Thị Thảo Ng cùng liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền nợ gốc và lãi 49.831.051

đồng (Bốn mươi chín triệu, tám trăm ba mươi một nghìn, không trăm năm mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/6/2024, ông D và bà Ng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng – Kiên hợp đồng cầm cố số PN00394/HĐTD-CC ngày 03/11/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần K thì lãi suất mà ông D và bà Ng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K theo quyết định của Toà án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.170.000 đồng theo biên lai số 0009717 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh (Do Phạm Thị Ngọc Ng nộp thay).

Ông Huỳnh Đình Phương D và bà Nguyễn Thị Thảo Ng cùng liên đới chịu 2.491.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ